

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM



**GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)**

Số: 966/GP-UBND
Ngày cấp: 31 tháng 8 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tinh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt "Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá xây dựng thông thường tại thôn Đăk Kan Dopp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum";

Căn cứ Giấy phép số 493/GP-UBND ngày 30/5/2011 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An được khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Đăk Kan Dopp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Xét Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An ngày 18/7/2016;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 418/TTr-STNMT ngày 25/8/2016 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An được gia hạn Giấy phép khai thác đá làm VLXDTT bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá thôn Đăk Kan Dopp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (Giấy phép số 493/GP-UBND ngày 30/5/2011 của UBND tỉnh), với các nội dung sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 3,3 ha, trong đó diện tích đã khai thác 0,2 ha; diện tích còn lại 3,1 ha; được xác định bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 và 5 có tọa độ xác định theo Phụ lục 01 và trên Bản đồ khai thác kèm theo Giấy phép này.

- Độ sâu khai thác: coste + 610 m.

- Tổng trữ lượng đá xây dựng cấp 121+122 trên diện tích 3,3 ha: 1.048.400 m³

- Trữ lượng đá nguyên khai được phép khai thác: 200.000 m³

- Trữ lượng địa chất khai thác: 222.222,2 m³

- Khối lượng đá nguyên khai đã khai thác: 32.216 m³
- Trữ lượng địa chất đã khai thác: 35.795 m³
- Trữ lượng đá nguyên khai còn lại được phép khai thác: 167.784 m³
- Trữ lượng địa chất còn lại được phép khai thác: 186.472,2 m³
- Công suất được phép khai thác: 40.000 m³ đá nguyên khai/năm.
- Thời hạn khai thác: 04 (bốn) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước;
2. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy định (nếu có);

3. Thực hiện đúng các quy định tại Điều 5, Luật Khoáng sản năm 2010;

4. Tiến hành hoạt động khai thác đá làm VLXDTT theo đúng phương pháp, toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

5. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định; cấm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và đúng theo quy định tại Phụ lục số 3 Giấy phép này;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên quan đến đất đai, môi trường trong hoạt động khoáng sản đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và UBND huyện Đăk Hà tổ

chức xác định toạ độ, mặt bằng được phép khai thác và bàn giao mỏ trên thực địa cho đơn vị; giám sát, kiểm tra việc khai thác và tình hình sử dụng đất của đơn vị theo quy định của Luật Khoáng sản và Luật Đất đai hiện hành.

2. UBND huyện Đăk Hà theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm:

- Phối hợp với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An thực hiện các nội dung có liên quan đến đất đai theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát: Việc thực hiện khai thác khoáng sản và sử dụng đất của đơn vị theo thẩm quyền; việc thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và địa phương của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Chủ trì giải quyết các vướng mắc phát sinh trong hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An.

Điều 4. Hoạt động khai thác khoáng sản chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; hoàn tất thủ tục giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác khoáng sản và đăng ký hoạt động khai thác khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối kiểm tra, xác nhận việc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An đã thực hiện hoàn thành các quy định tại Điều này; thông báo đến cơ quan liên quan và chính quyền địa phương biết, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch UBND Đăk Hà; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục KS Miền Trung;
- Sở TN&MT (3 bản);
- Lưu: VT, KTN3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

Giấy phép khai thác khoáng sản này được đăng ký Nhà nước
tại Sở Tài nguyên và Môi trường

Số đăng ký:.....DK/KT

Kon Tum, ngày tháng năm 2016

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM



**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC ĐÁ LÀM VLXD
TẠI THÔN ĐĂK KAN DÓP, XÃ ĐĂK HRING, HUYỆN ĐĂK HÀ**

(Kèm theo Giấy phép số 966/GP-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điểm gốc	Hệ tọa độ VN - 2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, mực chiếu 3°)		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	16 09 408	5 40 240	3,3
2	16 09 376	5 40 325	
3	16 09 140	5 40 221	
4	16 09 193	5 40 093	
5	16 09 318	5 40 143	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM



TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép số 066/GP-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Thực hiện theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/1/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum, trong đó:

1- Đối với trữ lượng địa chất khai thác còn lại tính tại thời điểm 01/01/2014 số tiền phải nộp: 768.006.360 đồng (*Bảy trăm sáu mươi tám triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, ba trăm sáu mươi đồng*)

Lần nộp	Năm	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1	2015	768.006.360	Đã nộp (Giấy nộp tiền ngày 07/5/2015)

2- Đối với phần trữ lượng địa chất đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013: Sau khi có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì tính, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.



**SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ
TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC**

(Kèm theo Giấy phép số 966/GP-UBND

ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Năm	Công suất khai thác (tấn, m ³)	Sản phẩm sau chế biến	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm
1	Tháng 01/9/2016 đến 31/12/2016	14.451		
2	2017	40.000		Tỉnh Kon Tum
3	2018	40.000		
4	2019	40.000		
5	đến tháng 10/2020	33.333	Đá: 1x2; 2x4; 4x6; cấp phối đá dăm	